

Bản án số: 11 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/02/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hào;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2020/TLST- HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Công M, sinh năm 1994;

Bị đơn: Anh Nguyễn Ánh N, sinh năm 1996;

Đầu ĐKKHTT: Tổ 30, phường TC, thành phố VT, tỉnh P.

Anh N hiện đang lao động tại NB.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hà Thị Công M trình bày: Chị và anh Nguyễn Ánh N kết hôn ngày 25/02/2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường TC, thành phố VT, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng bố mẹ đẻ anh N tại phường TC, thành phố VT, tỉnh P. Trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tháng 5 năm 2019 anh N đi lao động tại NB thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác và nghi ngờ con không phải là con của anh N. Thời gian đầu anh N đi nước ngoài vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau đến khoảng tháng 5 năm 2020 vợ chồng không liên lạc với nhau nữa, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đấy cho đến nay. Chị M xác định không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn M K, sinh ngày 23/7/2019 hiện nay cháu K đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ của anh N ở NB nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh N được. Chị M yêu cầu Tòa án xác M địa chỉ của anh N tại NB thông qua bố mẹ đẻ của anh N là ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Thanh Tâm có địa chỉ tại: Sn 08, đường Nguyễn Đốc Bộc, khu Tiên Phong, phường TC, thành phố VT, tỉnh P.

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Ánh N. Trong thời gian chị M và anh N chung sống với nhau không xảy ra gì mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng tháng 5 năm 2019 anh N đi nước ngoài vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh N nghi ngờ chị M có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng thường xuyên gọi điện cãi chửi nhau. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh P ở từ đấy cho đến bây giờ. Anh N hiện đang ở NB. Anh N vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình bà nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe của mọi người chứ không nói địa chỉ cụ thể nên bà không thể cung cấp địa chỉ của anh N ở NB cho Tòa án được. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh N biết về việc chị M yêu cầu ly hôn với anh. Qua trao đổi bằng điện thoại anh N nhất trí ly hôn với chị M, anh N nhất trí giao cháu Nguyễn M K, sinh ngày 23/7/2019 cho chị M nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh P đề nghị Tòa án cho chị Hà Thị Công M được ly hôn với anh Nguyễn Ánh N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn M K, sinh ngày 23/7/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị Công M vì chị M không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ: Chị M không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe đ- ơng sự trình bày, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị Công M nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Ánh N tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, chị M trình bày hiện anh N đang sống và làm việc tại NB. Tại văn bản số 20442/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin XNC ngày 11/11/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Ánh N đã xuất cảnh ngày 07/5/2019 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân

sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Công M và anh Nguyễn Ánh N là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Nguyễn Ánh N hiện đang ở NB, chị Hà Thị Công M chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Nguyễn Ánh N, không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài cho Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ánh N xác nhận anh N hiện đang ở NB, anh N vẫn thường xuyên gọi điện cho gia đình bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh N tại NB nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở NB cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị M và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nên việc chị Hà Thị Công M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ánh N là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn M K, sinh ngày 23/7/2019, cháu K đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, hiện nay anh N đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cho cháu K. Cháu K hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp chị M là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do chị Hà Thị Công M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị Công M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Công M được ly hôn với anh Nguyễn Ánh N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn M K, sinh ngày 23/7/2019 cho chị Hà Thị Công M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hà Thị Công M. Anh Nguyễn Ánh N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Công M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0004288 ngày 23/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đ-ơng sự đ-ợc quyền làm đơn kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ-ợc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đ-ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn

